TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 4 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Hướng

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Vũ Văn V**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: khu M, thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn*: Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT: khu M, thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: D16/25B, tổ 20, ấp Bình Thuận 2, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

(Anh Vũ Văn V và chị Trịnh Thị T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Văn V trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2005 tại UBND thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi

kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ chung sống tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và sinh được hai con. Năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc tạo lập kinh tế, chi tiêu gia đìnhvà nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 10/2015 anh V thuê nhà ở riêng, vợ chồng không ai quan tâm đến nhau. Tháng 4/2016 vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh V ở khu M, thị trấn T, huyện K. Đến tháng 6/2016 chị T đưa con trai Vũ Phương N đi đâu anh không biết, chị T cũng không liên lạc với anh, chỉ đến khi chị T gọi điện thoại cho anh thì anh mới biết hiện nay chị T đang sinh sống tại địa chỉ D16/25B, tổ 20, ấp Bình Thuận 2, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nay anh xác định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với chị T được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Vũ Thị Ngọc V sinh ngày 19/01/2006, hiện đang ở cùng anh và Vũ Phương N sinh ngày 17/4/2011, hiện đang ở cùng chị T. Ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con V và chị T tiếp tục nuôi con N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ chung.

* *Tại bản tự khai ngày 08/01/2018, bị đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:* về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như anh V trình bày. Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh V có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Anh V không chung thủy trong hôn nhân nên chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh V, chị không còn tình cảm với anh V nữa.Vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Thị Ngọc V sinh ngày 19/01/2006, hiện đang ở cùng anh V và Vũ Phương N, sinh ngày 17/4/2011, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con Vũ Phương N và đồng ý để anh V tiếp tục nuôi dưỡng con Vũ Thị Ngọc V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng chị có tạo lập được một ít tài sản chung anh V đã bán hết để đi ngoại tình với người khác. Năm 2006 vợ chồng chị có mượn ông Trịnh Văn D 01 cây vàng 24K để mua đất, năm 2015 vợ chồng chị có mượn của bà Trịnh Thị T số tiền 25.000.000 đồng để làm ăn. Chị đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung trên, chị sẽ trả 05 chỉ vàng 24K và 12.500.000 đồng; anh V phải có nghĩa vụ trả 05 chỉ vàng 24K cho ông Trịnh Văn D và 12.500.000 đồng cho bà Trịnh Thị T. Tại đơn đề nghị đề ngày 05/3/2018 chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ chung của vợ chồng là 01 cây vàng 24K vay ông Trịnh Văn D và số tiền 25.000.000 đồng vay của bà Trịnh Thị T. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ

án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diệnViện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho anh V được ly hôn chị T.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Vũ Thị Ngọc V sinh ngày19/01/2006 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng; giao con Vũ Phương N, sinh ngày 17/4/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng,không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh V khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Bị đơn là chị Trịnh Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu M, thị trấn T, huyện K tỉnh Thái Bình, hiện đang ở tại địa chỉ D16/25B, tổ 20, ấp Bình Thuận 2, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo do anh V cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn T, ủy thác tư pháp để làm rõ tình trạng hôn nhân, tài sản chung vợ chồng cũng như điều kiện nuôi dưỡng con chung, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy,anh Vũ Văn V kết hôn với chị Trịnh Thị T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 nên tháng 6/2016 chị T đã mang theo con trai vào tỉnh Bình Dương sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc và

không quan tâm đến nhau. Nay anh V xin ly hôn và chị T cũng đồng ý ly hôn vì cả hai vợ chồng đều cảm thấy không còn tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh V và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho anh V được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh V và chị T có 02 con chung là Vũ Thị Ngọc V sinh ngày 19/01/2006 hiện đang ở cùng anh V và Vũ Phương N sinh ngày 17/4/2011 hiện đang ở cùng chị T. Ly hôn anh V và chị T đều có nguyện vọng mỗi người nuôi một con. Cháu Ngọc V có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh V. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu ăn ở và học tập ổn định cần chấp nhận ý kiến của anh V và chị T là giao con Vũ Thị Ngọc V sinh ngày 19/01/2006 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, giao con Vũ Phương N sinh ngày 17/4/2011cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh V trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị T trình bày vào năm 2006 vợ chồng chị có mượn ông Trịnh Văn D 01 cây vàng 24K để mua đất và năm 2015 vợ chồng chị có mượn của bà Trịnh Thị T số tiền 25.000.000 đồng để làm ăn nhưng chị không đề nghị Tòa án giải quyết số nợ chung trên vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn V được ly hôn chị Trịnh Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Vũ Thị Ngọc V, sinh ngày 19/01/2006 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng; giao con Vũ Phương N, sinh ngày 17/4/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V và chị T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000872 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh Vũ Văn V đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh V và chị T đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân